

Bản án số: 134/2022/HSST
Ngày 30/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N4
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH**

Với T3 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Sách và bà Phan Thị Nhụ

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hòa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện QV.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QV tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện QV, tỉnh BN mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 137/2022/HSST ngày 05 tháng 8 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2022/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 8 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1988; Giới tính: N4; HKTT: Thôn PL, xã ĐLL, huyện QV, tỉnh BN; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt N4; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn Đ và con bà Trần Thị G; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ là Nguyễn Thị T (đã ly hôn). Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23/6/2016, bị Công an huyện QV xử phạt hành C1h cảnh cáo về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/5/2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh BN. Có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Danh T, sinh năm 1992; Giới tính: N4; HKTT: Thôn CT, xã NX, huyện QV, tỉnh BN; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Quốc tịch: Việt N4; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Danh N và con bà Trần Thị X; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: 02 tiền án.

Ngày 07/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện QV xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 01/9/2017, chấp hành xong hình phạt tù. Nộp án phí và bồi thường trách nhiệm dân sự xong ngày 21/3/2017.

+ Ngày 25/6/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh BN xử phạt 22 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Khoản 1, Điều 249 Bộ luật Hình sự. Ngày 13/11/2020, chấp hành xong hình phạt tù.

- Tiền sự: Không.

-Nhân thân:

+ Ngày 26/8/2013, bị Tòa án nhân dân huyện QV xử phạt 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đã chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/5/2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh BN. Có mặt tại phiên tòa

3. Nguyễn Đình M, sinh năm 1994; Giới tính: N4; HKTT: Thôn HB, xã NX, huyện QV, tỉnh BN; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt N4; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Đình C và con bà Hà Thị C1; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Có 01 tiền án

+ Ngày 16/11/2017, bị Tòa án nhân dân huyện QV xử phạt 42 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngày 21/12/2020, chấp hành xong hình phạt tù. Chấp hành xong án phí ngày 08/2/2018. Chưa bồi thường cho bị hại.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 16/8/2013, bị Tòa án nhân dân huyện QV xử phạt 10 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1, Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngày 06/11/2014, chấp hành xong hình phạt tù. Chấp hành xong án phí ngày 25/3/2014.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/6/2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh BN. Có mặt tại phiên tòa

4. Đỗ Văn T, sinh năm 1995; Giới tính: N4; HKTT: Thôn CT, xã NX, huyện QV, tỉnh BN; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt N4; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đỗ Văn T2 và con bà Nguyễn Thị H; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ là Hoàng Thị N1, sinh năm 1996 và 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/5/2022 đến nay. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh BN. Có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Văn T3, sinh năm 1986; Giới tính: N4; HKTT: Thôn Thất Gian, xã CP, huyện QV, tỉnh BN; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/12; Quốc tịch: Việt N4; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn S và con bà Nguyễn Thị C (đều đã chết); Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Tại bản án số 55 ngày 25/4/2015, bị Tòa án nhân dân huyện QV xử phạt 14 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (*Tài sản trộm cắp trị giá 3.550.000 đồng*), với T6 tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm". Ngày 04/4/2016, chấp hành xong hình phạt tù. Chấp hành xong án phí ngày 25/4/2015. Chưa bồi thường cho bị hại.

- Tiền sự: Không;

- Nhân thân:

+ Bản án số 15 ngày 19/01/2006, Tòa án nhân dân huyện QV xử phạt 08 tháng tù giam về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Ngày 24/6/2006 chấp hành xong hình phạt tù. Chấp hành xong án phí ngày 06/6/2006.

+ Bản án số 26 ngày 22/5/2008, bị Tòa án nhân dân huyện QV xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 28/6/2009, chấp hành xong hình phạt tù. Chấp hành xong án phí ngày 02/7/2009.

+ Bản án số 21 ngày 24/3/2010, bị Tòa án nhân dân huyện QV xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/3/2012. Chấp hành xong án phí, bồi thường cho bị hại ngày 24/3/2010.

+ Bản án số 67 ngày 19/7/2012, bị Tòa án nhân dân huyện QV xử phạt 12 tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản". Ngày 05/4/2013, chấp hành xong hình phạt tù. Án phí và khoản tịch thu sung công quỹ được đình chỉ theo Quyết định số 10 ngày 22/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện QV.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/6/2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh BN. Có mặt tại phiên tòa

** Bị hại:*

Công ty TNHH Phú Nhật M V3

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp ECO thuộc xã CP, huyện QV, tỉnh BN

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tuấn N4, chức vụ: Giám đốc

Người được ủy quyền: Anh Nguyễn Văn Thoái, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Hòa Liễu, xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy, T3 phố Hải

Phòng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: (Đều vắng mặt)*

1. Anh Hoàng Văn T5, sinh năm 1984

2. Anh Đỗ Văn T6, sinh năm 1996

3. Chị Lê Thị L2, sinh năm 1982

4. Chị Hoàng Thị Nhung, sinh năm 1996

Cùng địa chỉ: Thôn CT, xã NX, huyện QV, tỉnh BN

5. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1982

Địa chỉ: Đường 36, thôn MT, xã PM, huyện QV, tỉnh BN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 08/5/2022, T đang ở nhà thì T, Q và M đến chơi. Khi đang ngồi uống nước, Q nói: "*Ở dưới ECO có ít sắt vụn, anh em mình xuống đấy lấy trộm*". T, T, M hiểu ý là Q rủ đi trộm cắp tài sản nên cả bọn đồng ý, T nói: "*Thế anh em mình xuống đấy xem thế nào*". Sau đó, T mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ, đen không có biển kiểm soát của T chở Q và M đến công ty TNHH Phú Nhật M V3 tại cụm công nghiệp ECO thuộc thôn Châu Cầu, xã CP, huyện QV. Khi đến công ty thấy không có cổng, không có người trông giữ, T bảo Q đứng ở ngoài cảnh giới rồi T và M đi lên tầng 02 của nhà xưởng, T phát hiện nhà vệ sinh tầng 02 của nhà xưởng có 01 bình nước nóng lạnh nhãn hiệu Swat

30 lít – SW30N0 thì gọi M vào, cả hai dùng tay không tháo chiếc bình nóng lạnh rồi mang xuống để ở cửa ra vào xưởng ở tầng 01 rồi tiếp tục trèo vào nhà vệ sinh ở tầng một, tháo 01 chiếc bình nước nóng nhãn hiệu Swat 30 lít – SW30N0 và gọi Q vào cùng mang ra cửa xưởng tầng một để. Sau đó, T và M đặt 02 bình nóng lạnh lên xe mô tô để chở về thì Q nói: *"Về đi, sau một tháng quay lại đón anh"*, M điều khiển xe mô tô chở tài sản trộm cắp và T ngồi sau đi về nhà T. Khi M đi về, Q đi vào trong xưởng thấy tại dưới gầm cầu thang tầng một có 01 mô tơ nhãn hiệu Tai Qin, model YE2-132S-4 5.5 kw và 01 chiếc mô tơ Tai Qin, model YE2-132S-4 5.5 kw tại khu vực cuối xưởng tầng 01, cả hai chiếc mô tơ đều khóa lồng sắt bên ngoài. Khi M điều khiển xe mô tô quay lại thì Q mở cốp xe mô tô lấy 01 kim kim loại màu đen, tay cầm bọc cao su vàng dài 21 cm và bảo M vào trong xưởng tháo lồng sắt để lấy 02 chiếc mô tơ, M đồng ý. Sau đó, Q và M thay nhau dùng chiếc kim tháo ốc vít của lồng sắt bọc bên ngoài và lấy 02 chiếc mô tơ rồi M điều khiển xe mô tô chở Q và 02 chiếc mô tơ về nhà T. Khi về đến nhà T thì gặp T3 (bạn của T) đến chơi, hỏi: *"Đồ lấy ở đâu ?"*. T nói: *"Đồ vừa trộm cắp được tại cụm công nghiệp ECO, đang tìm chỗ bán"*. T3 nghe vậy thì không nói gì rồi cùng T ra dỡ 02 chiếc mô tô xuống để trước cửa nhà T thì T, Q, M bảo T tìm chỗ bán 02 bình nước nóng lạnh. T điện thoại cho anh Đỗ Văn T6, sinh năm 1996 là người ở cùng thôn nói nhờ bán hộ 02 bình nước nóng lạnh. Anh T6 bảo đợi để hỏi xem có người mua không. Sau đó, T6 điện thoại cho anh Hoàng Văn T5 là người cùng thôn, T6 hỏi anh T5 có mua bình nước nóng lạnh không thì anh T5 bảo có và trả giá 1.000.000 đồng. Sau khi anh T5 đồng ý mua 02 bình nước nóng lạnh, T6 gọi điện cho T nói có người muốn mua 02 bình nước nóng của T với giá 1.000.000 đồng. T đồng ý. T6 bảo T mang ra cửa hàng sửa chữa xe máy của T6 tại thôn CT, xã NX, huyện QV thì T bảo T và T3 mang đi. T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ, đen không có biển kiểm soát chở T3 ngồi sau giữ 02 bình nóng lạnh đến bán cho anh T6 được 1.000.000 đồng rồi đi về. Khi về đến nhà T, T3 thấy còn 02 chiếc mô tơ vừa trộm cắp được nên nói: *"Để nguyên 02 chiếc mô tơ này bán sẽ bị lộ, mấy anh em tháo ra bán sắt vụn"* rồi T3 đi vào trong nhà T lấy 01 túi đồ dụng cụ rồi cùng T, Q, M tháo rời từng bộ phận 01 chiếc mô tơ vừa trộm cắp được. Khi tháo xong, T3 để các bộ phận mô tơ đã tháo vào 01 bao tải mang rồi điều khiển xe mô tô chở Q cùng bao tải đến cửa hàng sắt vụn của gia đình chị Lê Thị L2 ở cùng thôn với T bán cho chị L2 với giá 750.000 đồng. Sau khi bán chiếc mô tơ, T3 và Q về nhà T, số tiền bán 02 bình nóng lạnh và 01 mô tơ trộm cắp, **T, M, Q** mỗi người chia nhau 500.000 đồng, số tiền 250.000đ còn lại, T, M, Q, T, T3 cùng nhau ăn uống hết sau đó M, Q đi về nhà trước, T3 về sau, T3 ngủ tại nhà T. Đến khoảng 08 giờ 00 phút ngày 09/5/2022, T và T mang theo chiếc mô tơ trộm cắp còn lại lên cửa hàng sửa chữa dụng cụ công trình M Đức tại đường 36 thuộc thôn MT, xã PM, huyện QV, tỉnh BN do chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1982 làm chủ đặt vấn đề muốn bán chiếc mô tơ. Chị Q hỏi chiếc mô tơ của ai, thì T trả lời: *"Của em đi làm công trình người ta không trả công nên gán cái máy cho em"*. T và T bán cho chị Q với giá 1.100.000đồng. Số tiền trên, T giữ lại 500.000 đồng và đưa cho T 600.000 đồng, T và T sử dụng tiêu sài cá nhân hết.

*** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:**

Ngày 24/5/2022, sau khi biết tài sản đã mua liên quan đến tội phạm, chị Q đã tự giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QV 01 chiếc mô tơ; anh

T5 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QV 02 bình nước nóng lạnh.

Đối với 01 mô tơ Tai Qin, model YE2-132S-4 5.5 kw đã bị các bị cáo tháo rời bán cho chị L2, chị L2 đã bán cho người đàn ông không quen biết mua sắt vụn qua đường, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QV đã ra thông báo truy tìm vật chứng của vụ án đến nay chưa thu hồi được.

Ngày 23/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QV trả cho anh Nguyễn Văn Thoái được công ty TNHH Phú Nhật M V3 ủy quyền 02 bình nước nóng lạnh và 01 chiếc mô tơ, anh Thoái đã nhận tài sản trên.

Số vật chứng còn lại là: 01 ba lô màu đỏ, 01 thanh sắt T8 hình chữ T, dài 30 cm, tay cầm bọc cao su màu vàng; 01 thanh sắt T10 hình chữ T, dài 28 cm, tay cầm bọc cao su màu vàng; 01 kim kim loại màu đen tay cầm bọc cao su màu đỏ xám dài 16 cm; 01 tô vít bằng kim loại có tay cầm bằng cao su màu xanh, đen, dài 21 cm; 01 búa kim loại màu đen dài 28 cm; 01 kim kim loại màu đen tay cầm bọc cao su vàng dài 21 cm và 01 xe mô tô Honda Wave RSX màu đỏ, đen không biển kiểm soát, số khung: 8CY482139, số máy 2E75172489.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

- 01 mô tơ Tai Qin, model YE2-132S-4 5.5 kw các bị cáo trộm cắp chưa thu hồi được, anh Thoái yêu cầu bồi thường theo kết luận của hội đồng định giá là 6.000.000 đồng.

- Đối với số tiền 1.100.000 đồng chị Q mua chiếc mô tơ và 1.000.000 đồng anh T5 mua 02 bình nước nóng lạnh, chị Q, anh T5 không yêu cầu các bị cáo phải trả lại.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QV, các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Danh T, Đỗ Văn T, Nguyễn Đình M và Nguyễn Văn T3 đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu ở trên.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 105/Ctr -VKSQV ngày 05/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện QV truy tố Nguyễn Văn Q, Nguyễn Đình M và Đỗ Văn T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự; Hành vi của Trần Danh T phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự; Hành vi của Nguyễn Văn T3 đã phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QV phân tích lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với T bộ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cũng như xem xét các T6 tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Danh T, Đỗ Văn T, Nguyễn Đình M phạm tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo Nguyễn Văn T3 phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Nguyễn Văn Q từ 09 (C1) tháng tù đến 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Nguyễn Đình M từ **15** tháng tù đến **21** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Trần Danh T từ **30** tháng tù đến **36** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Nguyễn Văn T từ **9** đến **12** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Nguyễn Văn T3 từ **36** tháng tù đến **42** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Q, T, T, M liên đới bồi thường cho Công ty TNHH Phú Nhật M V3 giá trị tài sản chiếm đoạt là 6.000.000đ.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 ba lô màu đỏ, 01 thanh sắt T8 hình chữ T, dài 30cm, tay bọc cao su màu vàng; 01 thanh sắt T10 hình chữ T, dài 28cm, tay bọc cao su màu vàng; 01 kim kim loại màu đen tay cầm bọc cao su màu đỏ xám dài 16 cm; 01 to vít bằng kim loại có tay cầm bằng cao su màu xanh, đen, dài 21cm; 01 búa kim loại màu đen dài 28cm; 01 kim kim loại màu đen tay cầm bọc cao su màu vàng dài 21cm;

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ - đen, không biển kiểm, soát có số khung 8 CY482139, số máy: 2E.5172489 đã qua sử dụng.

Án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Danh T, Đỗ Văn T, Nguyễn Đình M và Nguyễn Văn T3 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Pháp luật.

Các bị cáo Q, T, M, và T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhận tội không tham gia tranh luận đối với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Khoảng 18h ngày 08/5/2022, Nguyễn Văn Q rủ Nguyễn Đình M, Trần Danh T và Đỗ Văn T đi trộm cắp tài sản. T lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX của T chở M và Q đến công ty TNHH Phú Nhật M V3, địa chỉ: Thôn Châu Cầu, xã CP, huyện QV, tỉnh BN lén lút trộm cắp 02 bình nước nóng lạnh nhãn hiệu Swat model SW30N0 trị giá 4.000.000 đồng và 02 mô tơ Tai Qin, model YE2-132S-4 5.5 kw trị giá 12.000.000 đồng của công ty TNHH Phú Nhật M V3 mang về nhà T. T liên hệ bán 02 bình nước nóng lạnh. Nguyễn Văn T3 sau khi biết tài sản trên do Q, T, T và M trộm cắp được, T3 đã cùng T và Q mang 02 bình nước nóng lạnh nhãn hiệu Swat model SW30N0 và 01 mô tơ Tai Qin, model YE2-132S-4 5.5 kw đi bán lấy số tiền 1.750.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Q, T, M và T trộm cắp trị giá 16.000.000 đồng.

Đã thu hồi 01 mô tơ Tai Qin model YE2-132S-4 5.5 kw và 02 bình nước nóng lạnh nhãn hiệu Swat model SW30N0 trả cho bị hại. Còn 01 mô tơ Tai Qin model YE2-132S-4 5.5 kw trị giá 6.000.000đ chưa thu hồi được.

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, tang vật thu giữ được cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Văn Q, Trần Danh T, Đỗ Văn T, Nguyễn Đình M phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Nguyễn Văn T3 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ. Lợi dụng sơ hở của bị hại, các bị cáo Q, M và T lén lút chiếm đoạt tài sản là 02 bình nước nóng lạnh nhãn hiệu Swat model SW30N0 và 02 mô tơ Tai Qin, model YE2-132S-4 5.5 kw của công ty TNHH Phú Nhật M V3 với tổng trị giá là 16.000.000đ. Các bị cáo chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động nên bất chấp pháp luật thực hiện hành vi trộm cắp gây bức xúc trong quần chúng nhân dân trên địa bàn. Do vậy, cần thiết phải xét xử các bị cáo mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:

Bị cáo Q là người khởi xướng và rủ bị cáo T, M và T trộm cắp tài sản. Về công cụ và phương tiện phạm tội là của bị cáo T. T là người điều khiển xe trở Q và M đến Công ty TNHH Phú Nhật M V3 để thực hiện hành vi phạm tội. Đến địa điểm, T bảo Q đứng ở ngoài cảnh giới còn T và M vào nhà xưởng tháo bình nóng lạnh. Sau khi lấy được tài sản, M và T mang về nhà T. Q ở lại phát hiện 02 mô tơ và cùng M tháo lồng sắt để lấy hai mô tơ. Sau khi lấy được 02 mô tơ thì M điều khiển xe trở Q và 02 mô tơ về nhà T. T đứng ra liên hệ để bán 02 bình nóng lạnh nên bảo T và T3 mang đi bán cho anh T6 được 1.000.000đ. Sau đó, T3 cùng T, Q, M tháo rời từng bộ phận của 01 chiếc mô tơ rồi T3 chở Q cùng bao tải đến bán cho chị L2 được số tiền 750.000đ. Hôm sau, T và T đi bán chiếc mô tơ còn lại được số tiền 1.100.000đ. Số tiền này các bị cáo chia nhau: T: 500.000đ; T 1.100.000đ; Q 500.000đ; M 500.000đ. Số tiền 250.000đ còn lại các bị cáo T, T, Q, M và T3 đi ăn tiêu hết.

Như vậy, bị cáo Q là người khởi xướng việc trộm cắp tài sản nhưng sau đó các bị cáo đã cùng nhau thực hiện, cùng nhau tiêu thụ và cùng nhau hưởng lợi từ số

tiền bán tài sản trộm cắp mà có nên xét thấy các bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án. Tuy nhiên, HĐXX nhận định giữa các bị cáo chưa có sự cấu kết chặt chẽ với nhau, chưa có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể trong quá trình thực hiện tội phạm nên đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, không thuộc T hợp phạm tội “có tổ chức”.

Đối với bị cáo T3 không trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng sau khi biết các tài sản trên đều là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có song vẫn rất tích cực giúp các bị cáo đi tiêu thụ tài sản. Bị cáo không được nhận tiền công từ việc tiêu thụ nhưng có được cùng các bị cáo khác sử dụng một phần tiền bán những tài sản này nên hành vi bị cáo đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xét nhân thân và các T6 tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

Về T6 tiết tăng nặng: Các bị cáo Q, T, T và T3 không có T6 tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo Q, T, T3, đều có nhân thân xấu.

Bị cáo Q đã bị Công an huyện QV xử phạt cảnh cáo về hành vi “tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo T, T3 có nhân thân xấu, nhiều lần bị Tòa án có thẩm quyền xử phạt về hành vi vi phạm pháp luật. Hiện tại bị cáo T có 02 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo được xác định là T6 tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo T3 năm 2015, bị Tòa án nhân dân huyện QV xử phạt 14 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” với T6 tiết tăng nặng “tái phạm”. Hiện nay chưa được xóa án tích. Do đó, lần phạm tội này được xác định là T6 tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Bị cáo M có 01 tiền án, chưa được xóa án tích nên phải chịu T6 tiết tăng nặng “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo T, M, T3 đã nhiều lần được pháp luật giáo dục cải tạo nhưng không chịu sửa chữa, không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân mà các bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật khác. Chứng tỏ các bị cáo là những người coi thường pháp luật, khó giáo dục và cải tạo nên cần có những biện pháp giáo dục nghiêm đề các bị cáo nhìn nhận sai lầm, tích cực sửa chữa.

Về T6 tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sau khi thực hiện các bị cáo đã đến Cơ quan công an đầu thú và T3 khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, khai nhận T bộ hành vi phạm tội, giao nộp phương tiện, công cụ phạm tội nên các bị cáo được hưởng T6 tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Q và T phạm tội lần đầu và thuộc T hợp ít nghiêm trọng. Hai bị cáo được đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra, bị cáo T có ông nội được nhà nước tặng thưởng huân chương nên các bị cáo được hưởng T6 tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo M trong quá trình tạm giam đã tác động đến gia đình nộp số tiền khắc phục hậu quả là 500.000đ. Số tiền này gia đình bị cáo nộp vào chưa được ½ so với

số tiền bị cáo phải bồi thường nên không được áp dụng T6 tiết giảm nhẹ khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ các T6 tiết giảm nhẹ các bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử cân nhắc để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Đỗ Văn T có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc T hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đã tác động đến gia đình nộp số tiền khắc phục hậu quả tại Chi cục thi hành án dân sự huyện QV. Bị cáo được hưởng 03 tính tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 03 T6 tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thuộc hộ nghèo tại địa phương, bản thân bị cáo là lao động C1h trong gia đình và có 02 con nhỏ. Gia đình bị cáo có đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình và xin giảm nhẹ hình phạt đã được địa phương xác nhận. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/QN-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xét bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của C1h quyền địa phương, gia đình cũng đủ để giáo dục bị cáo trở T3 người có ích cho gia đình và xã hội.

Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt C1h điều luật còn quy định có thể áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo, xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập. Vì vậy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

Trách nhiệm dân sự:

Công ty TNHH Phú Nhật M V3 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị 01 mô tơ mà các bị cáo chiếm đoạt hiện chưa thu hồi được có giá trị theo định giá là 6.000.000đ. Xét yêu cầu trên là hoàn T hợp lý nên cần buộc bị cáo Q, T, M và T phải liên đới bồi thường giá trị tài sản chiếm đoạt theo quy định của pháp luật. Cụ thể mỗi bị cáo bồi thường số tiền 1.500.000đ.

Về vật chứng:

Đối với 01 ba lô màu đỏ, 01 thanh sắt T8 hình chữ T, dài 30cm, tay bọc cao su màu vàng; 01 thanh sắt T10 hình chữ T, dài 28cm, tay bọc cao su màu vàng; 01 kim kim loại màu đen tay cầm bọc cao su màu đỏ xám dài 16 cm; 01 to vít bằng kim loại có tay cầm bằng cao su màu xanh, đen, dài 21cm; 01 búa kim loại màu đen dài 28cm; 01 kim kim loại màu đen tay cầm bọc cao su màu vàng dài 21cm đều là công cụ để sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ - đen, không biển kiểm soát có số khung 8 CY482139, số máy: 2E.5172489 đã qua sử dụng của T. T mua xe này bằng số tiền của chị N1 là vợ T. Khi T giao xe cho T để làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp thì chị N1 không biết. Tại phiên tòa, chị N1 đề nghị được xin lại chiếc xe làm phương tiện đi làm. Xét yêu cầu của chị N1 là C1h đáng nên cần chấp nhận.

Đối với anh Đỗ Văn T6 là người T nhờ bán hộ 02 bình nước nóng lạnh, quá trình điều tra xác định anh T6 không biết 02 bình nước nóng lạnh do các bị can phạm tội mà có, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý mà chỉ nhắc nhở đối với anh T6 là phù hợp.

Đối với anh Hoàng Văn T5 là người mua 02 bình nước nóng lạnh của anh T6; chị Lê Thị L2 và chị Nguyễn Thị Q là người mua mô tơ mà các bị can bán cho, anh T5, chị L2 và chị Q không biết đó là tài sản do các bị can phạm tội mà có, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý đối với anh T5, chị L2 và chị Q mà chỉ nhắc nhở là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại của T sử dụng để liên hệ bán 02 bình nước nóng lạnh cho anh T6. Quá trình điều tra, T khai đã làm rơi mất trước khi ra đầu thú. Đến nay cơ quan Cảnh sát điều tra chưa thu hồi được.

Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST và DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Đình M, Trần Danh T và Đỗ Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Nguyễn Văn T3 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Nguyễn Văn Q 09 (C1) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo là ngày 23/5/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Nguyễn Đình M 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo là ngày 01/6/2022.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Trần Danh T 30 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo là ngày 23/5/2022.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Nguyễn Văn T3 38 (Ba mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo là ngày 01/6/2022.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam các bị cáo Q, M, T, T3 mỗi bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Đỗ Văn T 09 (C1) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa

Giao bị cáo Đỗ Văn T cho UBND xã NX giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Bị cáo T phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. T hợp

người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

+ Buộc các bị cáo Q, T, M và T phải liên đới bồi thường cho Công ty TNHH PHÚ NHẬT M V3 giá trị 01 chiếc mô tô hiệu Tai Qin, model YE2 – 132S -4 5.5 trị giá 6.000.000đ. Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 1.500.000đ.

(Xác nhận chị Hoàng Thị N1 (là vợ) bị cáo T đã nộp đủ số tiền 1.500.000đ bồi thường vào chi cục thi hành án huyện QV theo biên lai thu số AA/2021/0003461 ngày 29/8/2022 và biên lai số AA/2021/0003432 ngày 09/8/2022. Bà Hà Thị C1 (là mẹ đẻ) đã nộp cho bị cáo Nguyễn Đình M số tiền 500.000đ vào chi cục thi hành án dân sự huyện QV theo biên lai số AA/2021/0003433 ngày 10/8/2022).

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 ba lô màu đỏ, 01 thanh sắt T8 hình chữ T, dài 30cm, tay bọc cao su màu vàng; 01 thanh sắt T10 hình chữ T, dài 28cm, tay bọc cao su màu vàng; 01 kìm kim loại màu đen tay cầm bọc cao su màu đỏ xám dài 16 cm; 01 to vít bằng kim loại có tay cầm bằng cao su màu xanh, đen, dài 21cm; 01 búa kim loại màu đen dài 28cm; 01 kìm kim loại màu đen tay cầm bọc cao su màu vàng dài 21cm;

Trả lại chị Hoàng Thị N1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ - đen, không biển kiểm, soát có số khung 8 CY482139, số máy: 2E.5172489 đã qua sử dụng.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 22 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Q, M, Cường và T3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Miễn án phí HSST cho bị cáo Đỗ Văn T.

Các Bị cáo Q, M, Cường mỗi bị cáo chịu 300.000đ án phí DSST.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc niêm yết bản án./.

- Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho tới khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận:

- Tòa án, VKS tỉnh BN;
- VKS, CA, THADS huyện QV;
- Sở Tư pháp Bắc Ninh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Liên